

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 668/2019/DSPT

Ngày: 30/7/2019

V/v tranh chấp chia thừa kế và chia
tài sản chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thảo

Các Thẩm phán:

Ông Phạm Hồng Giảng

Bà Phạm Thị Kim

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Thương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Anh Nga - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 và 30 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 258/2019/TLDS-PT ngày 20 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp chia thừa kế và chia tài sản chung.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 51/2019/DSST ngày 25/3/2019 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4286/2019/QĐPT-DS ngày 17 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 5372/2019/QĐH ngày 17 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Ngô Thị V, sinh năm 1950 (có mặt);

Địa chỉ: Số A/1 (số cũ A1) đường K, Phường P, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Ngô Văn C, sinh năm 1948 (có mặt);

Địa chỉ: Số A/1 (số cũ A1) đường K, Phường P, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Phan Thành Nh
- Văn phòng Luật sư NT thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt);

Địa chỉ: Số B, đường L, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Ngô Thị Nh, sinh năm 1952 (có mặt)

Địa chỉ: Số C/2/3 đường T, Phường P, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Ngô Thông K, sinh năm 1930 (đã chết)

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông K:

2.1 Bà Trần Thị U, sinh năm 1940;

2.2 Ông Ngô Thông Đ1, sinh năm 1970;

2.3 Ông Ngô Thông Đ2, sinh năm 1974;

2.4 Ông Ngô Thông Đ3, sinh năm 1980;

2.5 Bà Ngô Mộng H, sinh năm 1982 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Số A/2 (số cũ A1) đường K, Phường P, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.6 Ông Ngô Thông Đ4, sinh năm 1960;

Địa chỉ: Số D/4/5 đường Tr, Phường P, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.7 Bà Ngô Mộng D1, sinh năm 1961;

Địa chỉ: Số E/6 đường Q, ấp H, xã Th, Huyện TB, Đồng Nai.

2.8 Bà Ngô Mộng D2, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Số F/7 KP T, xã Đ, Huyện D, Tỉnh Bình Dương.

2.9 Bà Ngô Mộng K, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Số G/8/9 KP T, xã Đ, Huyện D, Tỉnh Bình Dương.

2.10 Bà Ngô Mộng X, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Số H/10 Đường E, Phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của bà U, ông Đ2, ông Đ3, ông Đ4, bà D1, bà D2, bà K, bà X là ông Ngô Thông Đ1 (có mặt).

2.11 Bà Vũ Thị Ng, sinh năm 1952 (có mặt);

2.12 Ông Ngô Vũ Minh H1, sinh năm 1974 (có đơn đề nghị xin vắng mặt)

2.13 Ông Ngô Vũ Minh Ch, sinh năm 1977 (có đơn xin vắng mặt)

2.14 Ông Ngô Vũ Minh H2, sinh năm 1980 (có đơn xin vắng mặt)

2.15 Ông Ngô Vũ Minh H3, sinh năm 1986 (có đơn xin vắng mặt)

2.16 Bà Ngô Thị Minh C, sinh năm 1972 (có đơn xin vắng mặt)

2.17 Bà Ngô Thị Hồng P, sinh năm 1982 (có đơn xin vắng mặt)

2.18 Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1989 (có đơn xin vắng mặt)

2.19 Bà Lê Quỳnh Tr, sinh năm 1979 (có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số A/1 (số cũ A1) đường K, Phường P, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/07/2013, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Ngô Thị V trình bày:

Nguyên khuôn viên đất của căn nhà số A1 đường K, phường Phú Trung, quận Tân Phú (số cũ tổ 39, phường 21, quận Tân Bình) do cha mẹ bà V là ông Ngô Văn Th (mất năm 1982) và mẹ là bà Nguyễn Thị N (mất năm 1990) tạo lập và tự xây dựng năm 1965, đã được kê khai nhà cửa năm 1977 và đăng ký nhà đất năm 1999.

Cha mẹ bà V có 4 người con gồm:

- Ngô Thông K, sinh năm 1930
- Ngô Văn C, sinh năm 1948
- Ngô Thị V, sinh năm 1950
- Ngô Thị Nh, sinh năm 1952

Sau khi mẹ mất vào năm 1990 vì còn hai chị em gái cùng các cháu ở trong căn nhà số A1 đường K, ông Ngô Văn C (hộ khẩu tại Quận Đ) tự ý về ở chung trong nhà từ năm 1990.

Năm 1992, ông C đưa vợ con về ở cùng trong căn nhà trên. Đến năm 1998 ông C đã cho sửa chữa căn nhà cấp 4 thành nhà cấp 3 như hiện nay và làm thêm 5 phòng để cho thuê. Kể từ lúc này vợ chồng ông C luôn kiếm có gây sự với anh em trong gia đình.

Năm 1998, anh em trong nhà có đặt vấn đề làm chủ quyền nhà, nhưng ông C cho rằng nhà này do cha mẹ để lại cho các con, ai muốn ở thì ở chứ không đồng tình làm chủ quyền.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung do cha mẹ chết để lại là nhà đất tại số A1 đường K, phường P, quận T.

Bà xác nhận phần giá trị xây dựng trên phần đất số A1 đường K là do ông C tự xây dựng nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Đối với yêu cầu phản tố của ông C thì bà không đồng ý vì căn nhà số A/2 (số cũ A2) đường K, Phường P, Quận T là tài sản riêng của ông Ngô Thông K, do ông K tự bỏ tiền ra mua và xây dựng, sử dụng từ trước đến nay không phải tài sản chung của ông Ngô Văn Th và bà Nguyễn Thị N.

Phía bị đơn ông Ngô Văn C trình bày:

Ông là con ruột của ông Ngô Văn Th (mất năm 1982) và mẹ là bà Nguyễn Thị N (mất năm 1990), cha mẹ ông có 4 người con gồm:

- Ngô Thông K, sinh năm 1930
- Ngô Văn C, sinh năm 1948

- Ngô Thị V, sinh năm 1950
- Ngô Thị Nh, sinh năm 1952

Căn nhà số A/1 (số cũ A1) đường K, Phường P, Quận T có nguồn gốc do cha đạo giáo xứ Ph – T cho cha mẹ ông thuê từ năm 1964. Năm 1965, cha mẹ ông có cất một căn nhà tạm, nay đã tháo dỡ. Hiện nay toàn bộ nhà đất đều không có giấy tờ hợp pháp.

Vào năm 1990 khi mẹ ông qua đời, nhà đã xuống cấp trầm trọng, không thể sử dụng nên năm 1993 ông đã tháo dỡ toàn bộ căn nhà cũ để xây dựng lại toàn bộ căn nhà mới như hiện trạng hiện nay.

Khi ông tháo dỡ căn nhà cũ, các anh em trong gia đình ai cũng biết nhưng không ai phản đối hay khiếu nại gì để tranh chấp về thừa kế đối với nhà đất trên, vì mọi người biết cha mẹ đã cho ông toàn bộ nhà đất trên khi ông bà còn sống.

Ông xác định toàn bộ tiền xây dựng nhà A/1 đường K không có bất cứ sự đóng góp nào của các anh chị em, kể cả bà V. Do bà V không có gia đình, nên gia đình ông đã cho bà V ở nhờ, hàng tháng còn hỗ trợ cho bà V 250.000 đồng để sinh sống. Giá trị xây dựng nhà đất trên là 200.000.000 đồng .

Khi còn sống cha mẹ có nói cho gia đình ông toàn bộ nhà đất trên. Năm 1989 mẹ ông kêu ông về cho, nên tài sản này không phải tài sản chung chưa chia. Tài sản đang tranh chấp hiện do gia đình ông trực tiếp quản lý sử dụng, thuê nhà đất hàng năm do ông đóng cho Nhà nước.

Hiện nay, trong căn nhà trên có ông, bà Vũ Thị Ng (vợ), các con: Ngô Vũ Minh Ch, Ngô Vũ Minh H1, Ngô Vũ Minh H2, Ngô Vũ Minh H3, Ngô Thị Minh C, Ngô Thị Hồng P, Đỗ Thị T, Lê Quỳnh Tr và bà Ngô Thị V đang sinh sống.

Trước yêu cầu khởi kiện của bà V thì ông không đồng ý chia.

Ngày 20/11/2015 ông có nộp đơn yêu cầu phản tố.

Cha mẹ ông có các tài sản chung là nhà số A/1 (số cũ A1) đường K, Phường P, Quận T và nhà đất tại số A/2 (số cũ A2) đường K, Phường P, Quận T.

Bà Ngô Thị V khởi kiện yêu cầu chia thừa kế là $\frac{1}{4}$ giá trị căn nhà số A/1 (số cũ A1) đường K, Phường P, Quận T.

Nguồn gốc cả hai căn nhà trên đều do cha mẹ ông là ông Ngô Văn Th và bà Nguyễn Thị N tạo lập, nên nay các anh chị em ông yêu cầu chia thừa kế là căn nhà A/1 (số cũ A1) đường K, Phường P, Quận T mà không yêu cầu chia thừa kế đối với căn nhà số A/2 (số cũ A2) đường K, Phường P, Quận T là thiệt hại đến quyền và lợi hợp pháp của ông.

Trong trường hợp phải chia thừa kế, ông yêu Tòa án xác định giá trị quyền sử dụng đất của nhà đất tại số A/2 (số cũ A2) đường K, Phường P, Quận T là tài sản chung chưa chia của các đồng thừa kế của ông Ngô Văn Th và bà

Nguyễn Thị N. Ông yêu cầu được chia $\frac{1}{4}$ giá trị quyền sử dụng đất của nhà đất trên, theo giá của Hội đồng định giá.

Ông yêu cầu nếu trong trường hợp Tòa án chia di sản thừa kế của ông Th và bà N là hai căn nhà số A1 và A2 thì ông yêu cầu được nhận phần đất tại số A1 đường K và trả lại phần tiền cho các ông bà kia, còn phần đất tại số A2 thì ông yêu cầu được nhận tiền.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Nh trình bày:

Các ông bà là con ruột của ông Ngô Văn Th (mất năm 1982) và bà Nguyễn Thị N (mất năm 1990). Bà thống nhất về nội dung trình bày của bà V về quan hệ nhân thân, nguồn gốc nhà đất số A1 đường K, phường P, quận T.

Do đây là tài sản chung của cha mẹ bà để lại nên bà yêu cầu mỗi người được hưởng $\frac{1}{4}$ giá trị nhà đất số A1 đường K, phường P, quận T.

Đối với yêu cầu phản tố của ông C thì bà không đồng ý vì căn nhà số A/2 (số cũ A2) đường K, Phường P, Quận T là tài sản riêng của ông Ngô Thông K, do ông K tự bỏ tiền ra mua và xây dựng, sử dụng từ trước đến nay, không phải tài sản của ông Ngô Văn Th và bà Nguyễn Thị N.

Những người kế thừa quyền lợi và nghĩa vụ tố tụng của ông K, ông Ngô Thông Đ1 trình bày ý kiến như sau:

Ông Ngô Thông K (chết năm 2017) và bà Trần Thị U là vợ chồng, có chung với nhau 09 người con là ông Ngô Thông Đ1, bà Ngô Mộng D1, bà Ngô Mộng D2, bà Ngô Mộng K, ông Ngô Thông Đ2, ông Ngô Thông Đ3, bà Ngô Mộng X, ông Ngô Thông Đ4, bà Ngô Mộng H.

Ba mẹ ông K là bà Nguyễn Thị N và ông Ngô Văn Th. Ông Th và bà N có 4 người con là ông K, ông C, bà Nh, bà V. Khi ông Th, bà N chết có để lại di sản thừa kế là quyền sử dụng đất tại số A1 (nay là A/1) đường K, Phường P, Quận T. Phần giá trị xây dựng trên đất này là của ông C.

Ngày 07/9/2018, ông và bà U có yêu cầu độc lập về việc chia thừa kế của ông Th, bà N để lại. Cụ thể là chia giá trị quyền sử dụng đất của ông Th, bà N để lại chia đều cho các con của ông Th, bà N

Đối với yêu cầu phản tố của ông C thì ông không đồng ý vì căn nhà số A/2 (số cũ A2) đường K, Phường P, Quận T là tài sản riêng của ông Ngô Thông K, do ông K và bà U tự bỏ tiền ra mua và xây dựng, sử dụng từ trước đến nay, không phải tài sản của ông Ngô Văn Th và bà Nguyễn Thị N.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà Vũ Thị Ng trình bày: Bà là vợ của ông Ngô Văn C, bà thống nhất với mọi ý kiến của ông C.

Ông H1, ông C, ông H2, ông H3, bà C, bà P, bà T, bà Tr cùng thống nhất ý kiến là các ông bà ở trong căn nhà trên do là con của ông C và bà Ng, các ông bà không có đóng góp công sức hoặc tiền để xây dựng căn nhà trên, cũng không

có tranh chấp gì về quyền sử dụng đất và quyền sở hữu đối với căn nhà này và xin vắng mặt.

Các đương sự đã được Tòa án thông báo về kết quả định giá phần đất tại địa chỉ trên, và đồng ý với giá do Hội đồng định giá đã định, không có ý kiến gì khác. Phần đất trên giá trị là 2.140.000.000 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 51/2019/DS-ST ngày 25/3/2019 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú đã tuyên:

1. Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Ngô Văn C về việc chia tài sản chung là nhà đất tọa lạc tại 173/131 Khuông Việt, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn bà Ngô Thị V và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị U, ông Ngô Thông Đ1.

Xác định giá trị quyền sử dụng đất tọa lạc tại số A1 (số mới A/1) đường K, Phường P, Quận T (số cũ tổ S phường Y quận T) tờ bản đồ số R (theo tài liệu năm 2005) là di sản của ông Ngô Văn Th và bà Nguyễn Thị N để lại.

Xác định những người thừa kế theo pháp luật của ông Ngô Văn Th và bà Nguyễn Thị N gồm 04 người con: bà Ngô Thị V, ông Ngô Văn C, bà Ngô Thị Nh và các thừa kế của ông Ngô Thông K là bà Trần Thị U, ông Ngô Thông Đ1, bà Ngô Mộng D1, bà Ngô Mộng D2, bà Ngô Mộng K, ông Ngô Thông Đ2, ông Ngô Thông Đ3, bà Ngô Mộng X, ông Ngô Thông Đ4, bà Ngô Mộng H.

Di sản của ông Th và bà N được chia như sau :

Chia giá trị quyền sử dụng đất trên làm 5 phần, mỗi người con được 01 phần, phần còn lại ông C và bà V mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$. Cụ thể là bà Ngô Thị V được hưởng 30% trị giá đất tại thời điểm thi hành án, ông Ngô Văn C được hưởng 30% trị giá đất tại thời điểm thi hành án, bà Ngô Thị Nh được hưởng 20% trị giá đất tại thời điểm thi hành án, các thừa kế của ông Ngô Thông K là bà Trần Thị U, ông Ngô Thông Đ1, bà Ngô Mộng D1, bà Ngô Mộng D2, bà Ngô Mộng K, ông Ngô Thông Đ2, ông Ngô Thông Đ3, bà Ngô Mộng X, ông Ngô Thông Đ4, bà Ngô Mộng H được hưởng 20% trị giá đất tại thời điểm thi hành án.

Giá trị xây dựng tại nhà đất số A1 (số mới A/1) đường K, Phường P, Quận T thuộc sở hữu của ông Ngô Văn C.

Ông Ngô Văn C có trách nhiệm thanh toán cho những người thừa kế còn lại của ông Th, bà N cụ thể là: Thanh toán cho bà Ngô Thị V 30% trị giá đất tại thời điểm thi hành án, bà Ngô Thị Nh 20% trị giá đất tại thời điểm thi hành án và thanh toán cho các thừa kế của ông Ngô Thông K là bà Trần Thị U, ông Ngô Thông Đ1, bà Ngô Mộng D1, bà Ngô Mộng D2, bà Ngô Mộng K, ông Ngô Thông Đ2, ông Ngô Thông Đ3, bà Ngô Mộng X, ông Ngô Thông Đ4, bà Ngô Mộng H 20% trị giá đất tại thời điểm thi hành án.

Thời hạn thi hành: Thanh toán một lần, ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi thanh toán đủ số tiền nêu trên cho những người thừa kế còn lại của ông Th, bà N. Ông Ngô Văn C được quyền liên hệ cơ quan chức năng có thẩm quyền để làm thủ tục đứng tên chủ sở hữu nhà đất tọa lạc tại số A1 (số mới A/1) đường K, Phường P, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

Trường hợp, ông C không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ cho các thừa kế như trên của bà N và ông Th thì các thừa kế của ông Th, bà N được quyền làm đơn yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi nhà và đất số A1 (số mới A/1) đường K, Phường P, Quận T để thi hành án. Sau khi trừ đi toàn bộ chi phí phát mãi và các khoản thuế theo quy định, còn lại được chia theo các tỷ phần như trên.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên phần án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 24 tháng 11 năm 2018 ông Ngô Văn C và bà Vũ Thị Ng có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 23/4/2019 Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định kháng nghị số 15/QĐKNPT -VKS - DS.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị Ng không rút đơn kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không rút quyết định kháng nghị, các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Nguyên đơn bà Ngô Thị V yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn ông Ngô Văn C và luật sư bảo vệ quyền lợi cho ông C không đồng ý bản án sơ thẩm, yêu cầu hủy bản án sơ thẩm với lý do Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, cụ thể: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung, không có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện là yêu cầu chia thừa kế, nhưng Tòa sơ thẩm lại xác định quan hệ tranh chấp là chia thừa kế và chia tài sản chung. Như vậy đã vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Chưa xác định phần đất tranh chấp là đất thuê mướn mà đã xác định đây là tài sản của ông Th, bà N; không đưa ông Huỳnh Văn H4 là người cho ông Th, bà N thuê đất vào tham gia tố tụng; Áp dụng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án không đúng; Chia công sức đóng góp cho bà V và ông C ngang nhau là không phù hợp. Nếu Tòa chia thừa kế thì đề nghị xem xét công sức cho ông C nhiều hơn bà V; Ông C cũng là người cao tuổi đề nghị xem xét miễn án phí.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh:

- Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn phúc thẩm.

- Về nội dung: Với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, thấy rằng: Nguồn gốc căn nhà A/1 (số cũ A1) đường K của ông Ngô Văn Th và bà Nguyễn Thị N.

Ông Th (chết 1982) và bà N (chết 1990) có 04 con chung: Ngô Thông K, Ngô Văn C, Ngô Thị V, Ngô Thị Nh.

Ông C cho rằng căn nhà trên là cha mẹ cho riêng ông, nhưng ông không xuất trình được chứng cứ chứng minh. Xét các bên không tranh chấp về hàng thừa kế, về tỷ lệ phân chia, cùng thống nhất chia thừa kế làm 05 phần, trong đó 04 phần chia cho 04 thừa kế, phần còn lại là tính công sức giữ gìn di sản thừa kế của ông C và bà V. Tuy nhiên, ông C yêu cầu phân tính công sức thì chia theo tỷ lệ thực tế diện tích gia đình ông C đang sử dụng khoảng 80m² vì ông cho rằng có nhiều công sức hơn bà V trong việc bảo quản gìn giữ tài sản nên ông sẽ được nhận, còn phần bà V đang sử dụng là 8m².

Nhận thấy, căn nhà là di sản thừa kế của ông Th và bà N nên lẽ ra các thừa kế phải cùng được hưởng lợi, cùng sử dụng. Nhưng, trong suốt thời gian qua chỉ có bà V và toàn bộ gia đình ông C (10 người) ở tại căn nhà trên. Diện tích mà gia đình ông C sử dụng cũng chiếm 80% căn nhà, trong khi đó bà V chỉ được sử dụng khoảng 8m². Có thời gian ông C còn hưởng lợi từ tiền cho thuê nhà, việc xây dựng lại căn nhà cũng nhằm mục đích cho gia đình ông ở, các thừa kế cũng không tranh chấp giá trị xây dựng mới. Bản án sơ thẩm cũng chấp nhận yêu cầu của ông về việc xin nhận nhà và hoàn lại giá trị cho các kỹ phần thừa kế, nên quyền lợi của ông C và gia đình cũng không bị thiệt thòi, không bị ảnh hưởng.

Do vậy, ông C cho rằng công sức giữ gìn di sản thừa kế của ông nhiều hơn để được nhận nhiều hơn trong phần chia thêm công sức gìn giữ là không có cơ sở chấp nhận.

Về quan hệ tranh chấp: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn có đơn yêu cầu phản tố yêu cầu chia tài sản chung, còn nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế, nên Tòa sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là chia thừa kế và chia tài sản chung là có căn cứ.

Ông C cho rằng phần đất tranh chấp là đất mướn, Tòa sơ thẩm không đưa chủ đất vào tham gia tố tụng mà lại xác định đây là tài sản của ông Th, bà N chết để lại. Xét thấy, căn cứ vào các Công văn của Ủy ban nhân dân quận TP thì không có ai tranh chấp phần đất này ngoài các anh chị em của ông C, bà V.

Việc ông C yêu cầu không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế, đề nghị công nhận nhà đất A/1 đường K là của ông C là không có căn cứ như đề nghị của ông C cũng như luật sư.

Các bên đương sự chỉ yêu cầu chia di sản thừa kế là giá trị quyền sử dụng đất tại số A/1 (số cũ A1) đường K, Phường P, Quận T không yêu cầu chia giá trị xây dựng.

Nhưng, khi tính án phí dân sự sơ thẩm của ông C thì bản án đã cộng cả phần giá trị xây dựng và phần thừa kế mà ông C được hưởng là không đúng theo thỏa thuận của các đương sự và trái với quy định tại điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Ngoài ra, trong vụ án có nguyên đơn - bà V (sinh 1950), bị đơn - ông C (sinh 1948), người liên quan - bà Nh (sinh 1952), bà U (sinh 1940) đều thuộc trường hợp người cao tuổi được miễn án phí theo quy định tại Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, nhưng bản án sơ thẩm vẫn tính án phí là trái với quy định của pháp luật.

Do vậy, kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ chấp nhận.

Từ các phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Ngô Văn C và bà Vũ Thị Ng, chấp nhận kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Sửa một phần bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét kháng cáo của ông Ngô Văn C và bà Vũ Thị Ng yêu cầu. Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn khởi kiện chia thừa kế nhà đất tọa lạc tại số A/1 (số cũ A1) đường K, Phường P, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản của ông Ngô Văn Th và bà Nguyễn Thị N để lại. Ông Ngô Văn C cho rằng cha mẹ ông đã cho ông quyền sử dụng đất nêu trên khi họ còn sống, nên khi ông tháo dỡ căn nhà cũ để xây dựng lại nhà mới không có ai khiếu nại, tranh chấp gì về thừa kế là không có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, nhà đất trên được ông Ngô Văn Th kê khai năm 1977 với nội dung «Chủ sở hữu đất là ông Huỳnh Văn H4, nhà này tự tay xây cất lấy trên đất mướn».

Xét, đất đai sau năm 1975 do Nhà nước thống nhất quản lý. Nhà đất đang tranh chấp do ông Th và bà N quản lý, sử dụng từ năm 1965 cho đến nay không có ai tranh chấp đòi lại đất, ngoại trừ các thừa kế của ông Th và bà N đang tranh chấp yêu cầu chia thừa kế.

Ông C cho rằng ông là người kê khai, đóng thuế và đã có tên trong sổ mục kê để yêu cầu Tòa án không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế và đề nghị công nhận nhà đất tại địa chỉ A/1 đường K, phường Phú Trung, quận Tân Phú là của ông là không có căn cứ.

Căn cứ Công văn số 94/CNTP-TLT ngày 12/01/2018 và Công văn số 5055/CNTP-ĐK&CGCN ngày 11/9/2018 của Văn phòng Đăng ký đất đai Thành

phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Tân Phú thì theo bảng kê khai nhà đất năm 1999, địa chỉ A1 hẻm V có 02 người kê khai, thuộc thửa 1393 tờ bản đồ số 3 như sau:

Nhà, đất A1 hẻm V do bà Ngô Thị V khai ngày 20/8/1999, DTKV 79,0m², trên kê khai có ghi: Do cha mẹ để lại, đất do cha mẹ mua của linh mục Q, nhà do cha mẹ làm từ năm 1965 đến năm 1993 vì nhà xuống cấp, nên anh tôi là ông Ngô Văn C sửa lại, nhà đất có anh em tranh chấp.

Nhà, đất A1 hẻm V do ông Ngô Văn C và bà Vũ Thị Ng kê khai ngày 22/8/1999, DTKV 79,8m², trên kê khai có ghi: Do mẹ tôi mua của cha Q, xây dựng năm 1965, đến năm 1993 tôi Ngô Văn C xây dựng lại hoàn toàn, nhà đất có tranh chấp.

Như vậy, nhà đất tại số A/1 (số cũ A1) đường K chưa được Nhà nước cấp giấy chứng nhận cho ông Th và bà N. Tuy nhiên, ông Th và bà N đã sử dụng ổn định, liên tục trong một thời gian dài mà ông Huỳnh Văn H4 không có tranh chấp khiếu nại, nên có cơ sở xác định diện tích đất trên thuộc quyền sở hữu của ông Th, bà N. Do đó, nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất nêu trên là có căn cứ chấp nhận.

Xét thấy, tại phiên tòa sơ thẩm các đương sự thống nhất chia di sản của ông Th, bà N là giá trị quyền sử dụng đất làm 5 phần và không tranh chấp phần giá trị xây dựng do ông C bỏ tiền ra xây, đã được Hội đồng xét xử ghi nhận.

Xét, ông C, bà Ng kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu của mình, nên không có căn cứ chấp nhận.

Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông C phải chịu án phí trên phần giá trị được hưởng thừa kế và phần giá trị xây dựng mà ông C bỏ tiền ra xây dựng là không đúng theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Mặt khác, bà V và ông C đều thuộc trường hợp người cao tuổi được miễn án phí, nhưng tại cấp sơ thẩm các đương sự không có đơn xin miễn giảm án phí, nên việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc các đương sự này phải chịu án phí là không trái với quy định tại Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà V, ông C, bà Nh, bà U có đơn xin được miễn án phí nên được chấp nhận.

Do đó, chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, không chấp nhận kháng cáo của ông C và bà Ng, sửa một phần bản án sơ thẩm như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Về án phí: Do ông C và bà Ng là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Ngô Văn C và bà Vũ Thị Ng.

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Sửa một phần bản án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 623, Điều 650, 651 điểm d khoản 1 Điều 668 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 5 Điều 26 Luật đất đai năm 2013;

- Áp dụng Điều 18 nghị định 43//NĐ-CP ngày 15/05/2014;

- Áp dụng vào Điều 36 Pháp \,./ệnh thừa kế năm 1990 và hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/HĐTP-TANDTC ngày 19/10/1990;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Ngô Văn C về việc chia tài sản chung là nhà đất tọa lạc tại 173/131 Khuông Việt, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Ngô Thị V và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị U, ông Ngô Thông Đ1.

Xác định giá trị quyền sử dụng đất tọa lạc tại số A1 (nay là A/1) đường K, Phường P, Quận T (số cũ tổ S phường Y quận T) tờ bản đồ số R (theo tài liệu năm 2005) là di sản của ông Ngô Văn Th và bà Nguyễn Thị N để lại.

Xác định những người thừa kế theo pháp luật của ông Ngô Văn Th và bà Nguyễn Thị N gồm 04 người con: bà Ngô Thị V, ông Ngô Văn C, bà Ngô Thị Nh và các thừa kế của ông Ngô Thông K là bà Trần Thị U, ông Ngô Thông Đ1, bà Ngô Mộng D1, bà Ngô Mộng D2, bà Ngô Mộng K, ông Ngô Thông Đ2, ông Ngô Thông Đ3, bà Ngô Mộng X, ông Ngô Thông Đ4, bà Ngô Mộng H.

Di sản của ông Th và bà N được chia như sau :

Chia giá trị quyền sử dụng đất trên làm 5 phần, mỗi người con được 01 phần, phần còn lại ông C và bà V mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$. Cụ thể là bà Ngô Thị V được hưởng 30% trị giá đất tại thời điểm thi hành án, ông Ngô Văn C được hưởng 30% trị giá đất tại thời điểm thi hành án, bà Ngô Thị Nh được hưởng 20% trị giá đất tại thời điểm thi hành án, các thừa kế của ông Ngô Thông K là bà Trần Thị U, ông Ngô Thông Đ1, bà Ngô Mộng D1, bà Ngô Mộng D2, bà Ngô Mộng K, ông Ngô Thông Đ2, ông Ngô Thông Đ3, bà Ngô Mộng X, ông

Ngô Thông Đ4, bà Ngô Mộng H được hưởng 20% trị giá đất tại thời điểm thi hành án.

Giá trị xây dựng tại nhà đất số A1 (nay là A/1) đường K, Phường P, Quận T thuộc sở hữu của ông Ngô Văn C.

Ông Ngô Văn C có trách nhiệm thanh toán cho những người thừa kế còn lại của ông Th, bà N cụ thể là: Thanh toán cho bà Ngô Thị V 30% trị giá đất tại thời điểm thi hành án, bà Ngô Thị Nh 20% trị giá đất tại thời điểm thi hành án và thanh toán cho các thừa kế của ông Ngô Thông K là bà Trần Thị U, ông Ngô Thông Đ1, bà Ngô Mộng D1, bà Ngô Mộng D2, bà Ngô Mộng K, ông Ngô Thông Đ2, ông Ngô Thông Đ3, bà Ngô Mộng X, ông Ngô Thông Đ4, bà Ngô Mộng H 20% trị giá đất tại thời điểm thi hành án.

Thời hạn thi hành: Thanh toán một lần, ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi thanh toán đủ số tiền nêu trên cho những người thừa kế còn lại của ông Th, bà N. Ông Ngô Văn C được quyền liên hệ cơ quan chức năng có thẩm quyền để làm thủ tục đứng tên chủ sở hữu nhà đất tọa lạc tại số A1 (nay là A/1) đường K, Phường P, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp , ông C không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ cho các thừa kế như trên của bà N và ông Th thì các thừa kế của ông Th, bà N được quyền làm đơn yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi nhà và đất số A1 (nay là A/1) đường K, Phường P, Quận T để thi hành án. Sau khi trừ đi toàn bộ chi phí phát mãi và các khoản thuế theo quy định, còn lại được chia theo các tỷ phần như trên.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Ngô Thị V được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho bà Ngô Thị V số tiền tạm ứng án phí 12.000.000 đồng mà bà đã nộp theo biên lai thu số 00268 ngày 27/11/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú.

- Bà Ngô Thị Nh được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho bà Ngô Thị Nh số tiền tạm ứng án phí 21.000.000 đồng mà bà đã nộp theo biên lai thu số 0011908 ngày 24/09/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú.

- Bà Trần Thị U là thừa kế của ông Ngô Thông K được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

- Còn các thừa kế khác của ông Ngô Thông K là ông Ngô Thông Đ1, bà Ngô Mộng D1, bà Ngô Mộng D2, bà Ngô Mộng K, ông Ngô Thông Đ2, ông Ngô Thông D3D, bà Ngô Mộng X, ông Ngô Thông Đ4 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 18.773.000 đồng.

- Hoàn trả cho bà Trần Thị U và ông Ngô Thông Đ1 số tiền 21.000.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0011909 ngày 24/09/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú.

- Ông Ngô Văn C được miễn án phí án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho ông Ngô Văn C số tiền tạm ứng án phí 7.500.000 đồng mà ông đã nộp theo biên lai thu số 0001763 ngày 20/11/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú.

- Về chi phí định giá do phía nguyên đơn tự nguyện chịu và đã thực hiện xong.

- Án phí dân sự phúc thẩm ông Ngô Văn C và bà Vũ Thị Ng được miễn. Hoàn trả cho ông C và bà Ng mỗi người 300.000 đồng, theo các biên lai thu số AA/2017/0012713 và AA/2017/0012714 cùng ngày 01/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú.

Các đương sự thi hành án theo các Điều 2, 6, 7, 7a, 7b, 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận :

- TAND tối cao;
- TAND Cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND tối cao;
- VKSND Cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND Tp.Hồ Chí Minh
- TAND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ (Thương/30).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thảo

